

Số: 110/KH-LTT

Tiên Phước, ngày 16 tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH

Tổ chức kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong trường THCS Lý Tự Trọng năm 2025

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 56- QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập;

Căn cứ Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 25/8/2025 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Đà Nẵng về công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN), tiêu cực năm 2025;

Căn cứ kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 12/12/2025 của UBND xã Tiên Phước về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn xã Tiên Phước năm 2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 1049/UBND-VP ngày 15/12/2025 của UBND xã Tiên Phước về việc hướng dẫn công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2025;

Trường THCS Lý Tự Trọng xây dựng kế hoạch về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong đơn vị năm 2025 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm thực hiện đầy đủ, có hiệu quả đối với việc kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai theo đúng quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi tắt là *Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ*), Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị*);

- Nâng cao trách nhiệm của nhà trường và cá nhân trong việc kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong nhà trường phải đảm bảo nghiêm túc, thống nhất, kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

- Hiệu trưởng nhà trường theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao triển khai thực hiện công tác kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập tại đơn vị mình đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Nhà trường và cá nhân nhận thức được tầm quan trọng của công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn để thực hiện theo đúng quy định, góp phần phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong nhà trường.

II. NỘI DUNG

1. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập

Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trong nhà trường. Hướng dẫn cho các đối tượng thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập theo đúng nội dung, biểu mẫu, thời gian; thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo đúng thời gian quy định.

2. Về tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập

Hiệu trưởng nhà trường thực hiện đảm bảo các nội dung sau:

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai công tác kê khai tài sản, thu nhập tại đơn vị (*bao gồm các nội dung chính như: Thời gian kê khai, biểu mẫu kê khai, thời gian và địa điểm nộp bản kê khai, các mốc thời gian cụ thể...*) để làm cơ sở thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra.

- Rà soát người thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập, ban hành Quyết định phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2025.

- Tổ chức phổ biến, hướng dẫn, gửi mẫu kê khai cho người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập.

- Tiếp nhận, lập sổ theo dõi kê khai, nhận bản kê khai tài sản, thu nhập của các cá nhân có nhiệm vụ thực hiện kê khai và giao cho nhân viên Văn thư nộp về Phòng Văn hóa – Xã hội đúng quy định.

- Thực hiện công khai tài sản, thu nhập.

- Báo cáo kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập.

3. Đối tượng, thời gian, hình thức kê khai tài sản, thu nhập

a) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (tại trường)

Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng Theo quyết định phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2025.

Mỗi cá nhân kê khai phải lập 02 bản kê khai nộp về cho văn thư phụ trách công tác kê khai (*01 bản bàn giao cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, 01 bản để phục vụ công tác quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị và hoạt động công*

khai bản kê khai).

b) Thông tin tài sản, thu nhập phải kê khai

- Kê khai hàng năm, mẫu kê khai hàng năm và hướng dẫn nội dung kê khai bổ sung hàng năm thực hiện theo Phụ lục quy định, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ (*lưu ý: không tẩy xóa, tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung quy định tại mẫu*).

- Kê khai tài sản bổ sung, thu nhập bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000đồng trở lên, trừ trường hợp đã kê khai theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

c) Thời gian nộp và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập cá nhân

- Thời gian nộp: 26/12/2025

- Thời gian họp công khai: 03/01/2026

d) Hình thức công khai

Nhà trường tổ chức công khai trong cuộc họp hội đồng gồm cán bộ, giáo viên, nhân viên.

đ) Phạm vi công khai

Công khai Bản kê khai tại cuộc họp: Cuộc họp công khai Bản kê khai thu nhập phải đảm bảo đủ số lượng người tham dự cuộc họp công khai tối thiểu đạt 2/3 trong tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường.

Từng người đọc Bản kê khai của mình, Thư ký ghi biên bản cuộc họp với sự tham gia của đại diện công đoàn trường.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập phải nghiên cứu kỹ các văn bản hướng dẫn, không tẩy xóa, tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung quy định tại mẫu và kê khai trung thực, rõ ràng theo quy định, đúng thời gian trong kế hoạch và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trong Bản kê khai tài sản, thu nhập. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập phản ánh về Hiệu trưởng để kịp thời giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn năm 2025 của Trường THCS Lý Tự Trọng. Đề nghị các bộ phận, các cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH xã Tiên Phước (để báo cáo);

- Lưu: VT, HSKKTS.



Phạm Thị Túy Lanh

PHỤ LỤC I

MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU, KÊ KHAI HÀNG NĂM, KÊ KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ

(Kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)

A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP⁽¹⁾

(Ngày..... tháng..... năm.....)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Chức vụ/chức danh công tác:
- Cơ quan/đơn vị công tác:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾:ngày cấp..... nơi cấp

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nghề nghiệp:
- Nơi làm việc⁽⁴⁾:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾:
- Diện tích⁽⁹⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:
- Loại nhà⁽¹⁴⁾:
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai:

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu			

6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			
---	--	--	--

..... ngày.....tháng.....năm....

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

..... ngày.....tháng.....năm....

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

lanhptt3-17/12/2025 13:48:29-lanhptt3-lanhptt3-lanhptt3

lanhptt3-17/12/2025 13:48:29-lanhptt3-lanhptt3-lanhptt3

